



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : _____ Yes, _____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN HUU BON
Last Middle First

Current Address 13/156 Thoi Thanh Thoi Thuan Thoi Wat Hung

Date of Birth 05-21-1939 Place of Birth An Giang

Previous Occupation (before 1975) S. Lieutenant
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 05-13-75 To 07-17-1980

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
--------------------------------------	---------------------

_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN THI HUE	1941	wife
NGUYEN BA TRUOC	1967	son
NGUYEN THI THU HONG	1969	daughter
NGUYEN VINH LOC	1972	son
NGUYEN VINH THO	1974	son
NGUYEN VINH THANH	1982	son
NGUYEN THI KIM CHI	1965	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

4-10-1964

Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc.

535

Tên cũ chỉ thị số 316/WT ngày 22-11-1977 của chỉ thị của
Thủ tướng nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chiến lược
đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền và các tổ chức
và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung tại trại.

Tan và thôn - tư Liên, Bộ Quốc phòng - Việt Nam.
 ngày: 22/07/1977. Về việc truy cập chỉ thị số 10/CTN ngày
 22-07-1977 của Thủ tướng - Chính Phủ.

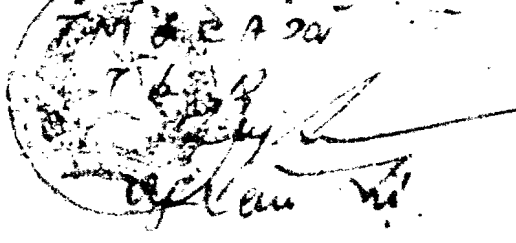
Thị trấn quyết định số: 3/95, ngày 01/01/1980
 Chủ tịch: Bộ trưởng Bộ Nội vụ

Họ và tên: NGUYỄN VĂN HỮY - BORN
 Ngày, tháng, năm sinh: 1.935
 Quê quán: Khuất Trườn, Thôn, Thôn Bót, An Giang.
 Trú quán: Ấp, Thôn, Thôn Bót, Thôn Bót, An Giang.
 Tổ chức, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự
 và các tổ chức chính trị phân định địa chế độ cũ: Thiếu Úy Cảnh Sát
Sứ, Trung, Cảnh Sát X.

Tại về nhà được tiếp triếp như vậy này với Ủy Ban Nhân Dân và các cơ quan, xã hội: Thốt Thuận, thuộc huyện, Thốt Hết, Định, Thanh Bình, Tân Giang, và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân Dân Định, Định Phố về việc quản lý, và nơi cư trú và các mặt quản lý khác.

- Thời hạn quân chế: (12 Tháng).
- Thời hạn đi đường: (12 Tháng) (là từ ngày ký lệnh).
- Tiền và lương thực đi đường đi cấp: ()

Đã được nhận
Đã có tin về quan công
+ No xư thữ thữ thữ thữ
Kia làm vào ngày 1/1/10
T. T. ngày 1/1/10
T. T. ngày 1/1/10



Shain milk Pore

B Nút thép thanh
xác nhận

Đã có đầy đủ hồ sơ
phản ứng hóa chất
ngày 18-7-80 theo

chỉ đạo của

Chỉ huy

18/10/80

người cùng thanh

Xác nhận

Đã có đủ tài liệu

Hàng ngày vào ngày 18/10/80

Đã được thanh

18/10/80



18/10/80

Chỉ huy

Xác nhận

Đã có 18/2/81

T.M. B. C. X. A

Vũ Hoàng

Xác nhận

Đã có đầy đủ hồ sơ
phản ứng hóa chất
ngày 18-7-80 theo

Chỉ đạo của

Chỉ huy

19/10/80

Chỉ huy

Vũ Hoàng

Chỉ huy

Xác nhận

Đã có đầy đủ hồ sơ

phản ứng hóa chất

ngày 18/10/80



18/12/80

Chỉ huy

Xác nhận

HOI GIA-DINH TU-NHAN CHINH-TRI VIET-NAM P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA. 22205-063

INTAKE FORM (Two Copies)

MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan)

NGUYEN-HUU-BON

DATE, PLACE OF BIRTH
(Nam, noi sinh)

Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
21-5-1939 Thoi-Thuan, Don Giang (Long Xuyen)
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu)

Male (Nam): Nam

Female (Nu): _____

MARITAL STATUS

(Tinh trang gia dinh):

Single (Doc than): _____

Married (Co lap gia dinh): Co gia dinh

ADDRESS IN VIETNAM

(Dia chi tai Viet-Nam)

13/156 ấp Thoi-Thuan, xã Thoi-Thuan, huyện
Thot-Not, tỉnh Hậu Giang (VIET-NAM)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) Co No (Khong) _____

If Yes (Neu co): From (Tu): 13-5-1975 To (Den): 17-7-1980

PLACE OF RE-EDUCATION:
CAMP (Trai tu)

Trai Cai Tao Kinh 5, Vĩ Thanh, tỉnh Hậu Giang

PROFESSION (Nghề nghiệp):

Trước kia là Cảnh Sát

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My):

VN ARMY (Quan doi VN)

Rank (Cap bao):

Thiếu úy Cảnh Sát

Các chức vụ

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN)

Position (Chức vụ):

Trưởng Quốc Cảnh Sát

Date (nam): _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP):

Yes (Co): Co

IV Number (So ho so):

No (Khong): _____

Bang Kien nhan ho so
ngày 16-11-1988

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguai di theo):

08

(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN):

13/156 ấp Thoi-Thuan, xã Thoi-Thuan,
huyện Thot-Not, tỉnh Hậu Giang (VIET-NAM)

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguai Bao tro):

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): _____

No (Khong): Khong

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN):

NAME & SIGNATURE:

NGUYEN-HUU-BON

Luôn

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT

(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguai dien don nay)

13/156 ấp Thoi-Thuan,
xã Thoi-Thuan, huyện Thot-Not, tỉnh Hậu Giang (VIET-NAM)

DATE:

Month (Thang) 7

Day (Ngay) 5

Year (Nam) 1989



5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA
NGUYỄN-THỊ-HUỆ	6-7-1941	con
NGUYỄN-THỊ-KIM-CHI	16-6-1965	con
NGUYỄN-BA-TƯỚC	25-9-1967	con
NGUYỄN-THỊ-THU-HỒNG	5-10-1969	con
NGUYỄN-VĨNH-LỘC	18-1-1972	con
NGUYỄN-VĨNH-THO	26-2-1974	con
NGUYỄN-VĨNH-THANH	2-5-1982	con
CAO SAU NHO	1-1-1965	con

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

13/156 ấp Thới Thạnh xã Thới Thuận
 huyện Thới-Nốt, tỉnh Hậu Giang (VIETNAM)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

HOI GIA-DINH TU-NHAN CHINH-TRI VIET-NAM P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA. 22205-063

INTAKE FORM (Two Copies)

MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN-HUU-BON
Last (Ten Ho) : NGUYEN Middle (Giua) : HUU First (Ten goi) : BON
DATE, PLACE OF BIRTH : 21-5-1939, Thoi Thanh, An Giang (Long Xuyen)
(Nam, noi sinh) : Month (Thang) : 21 Day (Ngay) : 5 Year (Nam) : 1939
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam) : Nam Female (Nu) : _____
MARITAL STATUS : Single (Doc than) : _____ Married (Co lap gia dinh) : Co gia dinh
(Tinh trang gia dinh) :
ADDRESS IN VIETNAM : 13/156 ấp Thới Thành, xã Thới Thuận, Huyện
(Dia chi tai Viet-Nam) : Thới Nốt, Tỉnh Hậu Giang (VIET-NAM)
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong) : Yes (Co) : Co No (Khong) : _____
If Yes (Neu co) : From (Tu) : 13-5-1975 To (Den) : 17-7-1980
PLACE OF RE-EDUCATION : Trại Cải tạo Kinh 5, Vĩnh Thành, Tỉnh Hậu Giang
CAMP (Trai tu) :
PROFESSION (Nghề nghiệp) : Trước kia là Cảnh sát
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My) : Không
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac) : Thiếu úy Cảnh sát
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chức vụ) : Trưởng Cảnh sát xã
Date (nam) : 1972-1975
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP) : Yes (Co) : Co No (Khong) : _____
IV Number (So ho so) : Dang chờ nhân hồ sơ
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo) : 08
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN) : 13/156 ấp Thới Thành
xã Thới Thuận, Huyện Thới Nốt, Tỉnh Hậu Giang (VIETNAM)
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro) :
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky) : Yes (co) : _____ No (Khong) : Khong
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN) :
NAME & SIGNATURE : NGUYEN-HUU-BON
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT :
(Ten, Chu-ky, Dia chi va dien thoai cua nguoi dien don nay) 13/156 ấp Thới Thành
xã Thới Thuận, Huyện Thới Nốt, Tỉnh Hậu Giang (VIETNAM)
DATE : 9 5 1989
Month (Thang) : 9 Day (Ngay) : 5 Year (Nam) : 1989



5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA
Nguyễn-thị-Huê	6-7-1941	WIFE
Nguyễn-thị-Kim-Chi	16-6-1965	DAUGHTER
Nguyễn-bà-Tiểu	25-9-1967	DAUGHTER
Nguyễn-thị-Thư-Hồng	5-10-1969	DAUGHTER
Nguyễn-vinh-Lộc	18-11-1972	SON
Nguyễn-vinh-Thọ	26-2-1974	SON
Nguyễn-vinh-Thành	2-5-1982	SON
Cao-Sơn-Who	1965	SON

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

13/156 ấp Thới-Thạnh xã Thới-Thuan
 Huyện Thới-Nốt, tỉnh Hậu Giang (VIETNAM)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Hải Giang, ngày 05-09-1989.

Kính gửi: Hội Gia Đình Tự Nhân Chính-Trì
Việt-Nam P.O. BOX 5435 Arlington.

Hội tên: Nguyễn - Hữu - Bôn

Sinh, nơi sinh: 21-5-1939, xã Thới-Thuần, Hn-Giang.

Địa chỉ hiện tại: 13/156 ấp Thới-Thành, xã Thới-Thuần, Huyện Thới-Nốt, Tỉnh Hậu-Giang (VIỆT-NAM).

Trước năm 1975, công tác với chính-quyền Sài Gòn:

- Cấp bậc: Thiếu-nữ Cảnh-Sát

- Chức vụ: Trưởng-Cước Cảnh-Sát

- Đơn vị sau cùng: Trưởng Cước Cảnh-Sát Quốc-Gia xã Tân-Thành, Quận Thanh-Bình, Tỉnh Kiên-Phong.

Sau khi tiếp thu; Trình diễn học tập tại các nơi:

- Ngày 2-5-1975: Trình diễn tại Ban Quân Quan Tỉnh Long-Châu-Hà, (Hn-Giang).

- Ngày 13-5-1975: Tập trung học tập cán tác tại Trung Phụng-Sử, Tỉnh Long-Châu-Hà (Hn-Giang).

- Đến ngày 28-5-1975: Di chuyển đến học tập tại Chung-Viên A' Thánh Quí, Cái-Khang, Cần-Tho.

- Ngày 9-12-1975: Di chuyển đến học tập tại Trại Cải-Tạo Kinh-Nam, Tỉnh Hậu-Giang.

- Ngày thả tự do: X 17-7-1980.

- Thời gian học tập: từ 13-5-1975 đến 17-7-1980.
qua ba nơi học tập liên tục:

Sau khi nghe chính-phủ Việt-Nam và chính-phủ Mỹ thỏa thuận cho những người trước kia có sự tác với chính quyền Sài-Gòn, được sang định cư tại Mỹ và các nước khác theo chương trình ODP. Gia đình chúng tôi có chuyến đi-đó sang Bangkok về nơi đây ký nhận vào ngày 16-11-1988, có giấy hồi báo.

Kính yêu cầu quý Hội giúp gia đình chúng
tôi liên hệ với chính-phủ Mỹ (Chương trình OPP), xem
hồ-sơ của chúng tôi xin định cư tại Mỹ có hợp lệ
không hoặc thiếu sót những gì để chúng tôi bổ-túc.
Kính chào quý Hội.


Nguyễn Hữu Bôn